TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1983; nơi thường trú: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Cao Quốc A, sinh năm 1975; nơi thường trú: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Cao Quốc A chung sống năm 2006, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B1 (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B1, tỉnh Bình Dương cấp ngày 14 tháng 8 năm 2006. Hôn nhân tự nguyện.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị P yêu cầu ly hôn với anh A.

Quá trình chung sống có 03 con chung là cháu Cao Quốc Nguyễn L, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2007, Cao Nguyễn Thảo N, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2010 và Cao Ngọc Thảo D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2011.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Khi ly hôn chị P yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Cao Quốc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, anh A không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của chị P và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh A.

Tại biên bản lấy lời khai con chung ngày 03 tháng 01 năm 2024, cháu Cao Quốc Nguyễn L, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2007, cháu Cao Nguyễn Thảo N, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2010 và cháu Cao Ngọc Thảo D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2011 có nguyện vọng được sống chung với chị P.

Theo biên bản xác minh ngày 27 tháng 12 năm 2023, Công chức Tư pháp hộ tịch xã L, huyện B cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Cao Quốc A là vợ chồng, có đăng kí kết hôn và chung sống tại ấp T, xã L, huyện B vào năm 2006. Quá trình chung sống giữa chị P và anh A phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị P và anh A không trình báo nên địa phương không có thông tin.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Cao Quốc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại

Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến 98 của BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 196, 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày: Chị P và anh A sống chung từ năm 2007 đến năm 2023. Đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B1 (nay là huyện B) tỉnh Bình Dương. Quá trình sống chung xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không được hạnh phúc. Nay, nguyên đơn yêu cầu:

Về hôn nhân: xin ly hôn với anh A.

Về con chung: có ba người con chung là cháu Cao Quốc Nguyễn L (sinh năm 2007); Cao Nguyễn Thảo N (sinh năm 2010) và Cao Ngọc Thảo N (sinh năm 2011), chị P yêu cầu nuôi dưỡng các con không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận định: Trong quá trình chung sống cả hai thường xảy ra sự bất đồng quan điểm cả hai không thể hàn gắn được cuộc sống hôn nhân. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú được biết: Chị P và anh A là vợ chồng, quá trình chung sống tại địa phương, chị P và anh A có phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Xét thấy, nguyên đơn chị P và bị đơn anh A phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, mục đích sống chung không có ý nghĩa. Nguyên đơn và bị đơn không có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị P yêu cầu nuôi dưỡng 03 người con chung không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị P có công việc ổn định và hiện nay các con chung đang sinh sống ổn định với chị P. Tại biên bản lấy lời khai các cháu thể hiện mong muốn được sống chung với nguyên đơn. Do đó, giao con

chung cho nguyên đơn trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là chính đáng và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Cao Quốc A có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ngọc P khởi kiện anh Cao Quốc A, yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Ngọc P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Cao Quốc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: hôn nhân của chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Cao Quốc A là hôn nhân hợp pháp. Chị P yêu cầu ly hôn anh A do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và không thể hàn gắn. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Có cơ sở xác định anh A vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị P yêu cầu ly hôn với anh A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Cao Quốc A có 03 con chung gồm: cháu Cao Quốc Nguyễn L, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2007, cháu Cao Nguyễn Thảo N, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2010 và cháu Cao Ngọc

Thảo D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2011. Quá trình tố tụng, cháu L, cháu N và cháu D có nguyện vọng được sống với chị P. Xét, chị P có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử xét, giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Cao Quốc A không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, khoản 1 Điều 59, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc P đối với bị đơn anh Cao Quốc A về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Cao Quốc A.

Về nuôi con chung: giao cháu Cao Quốc Nguyễn L, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2007, cháu Cao Nguyễn Thảo N, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2010 và cháu Cao Ngọc Thảo D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị P không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Cao Quốc A không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003293 ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Tuyết